TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 19-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Thành Phước.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú hiện nay: Số B Đường T, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số B Đường T, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 10 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn chị Võ Thị Bé T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Chị Võ Thị Bé T và bà Phan Thị Thanh P có quen biết nhau, bà P có hỏi vay tiền của chị T cụ thể như sau:

Vào ngày 04/9/2023, chị T có cho bà Phan Thị Thanh P vay số tiền 80.000.000 đồng, sau khi nhận tiền thì bà P có ký tên xác nhận vào "Giấy cho vay tiền". Theo thỏa thuận khi vay tiền thì bà P thống nhất hàng tháng trả góp cho chị T (tiền gốc + tiền lãi) với số tiền 5.400.000 đồng/1 tháng, thời hạn trả nợ hàng tháng trong vòng 30 tháng thì dứt nợ.

Sau khi bà P đã nhận đủ số tiền vay, hàng tháng bà P không có trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận khi vay tiền. Chị T có đến nhà bà P để đòi tiền nhiều lần thì bà P cứ hẹn lần hẹn lựa không chịu trả.

Xét thấy bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng khi vay tiền, sau khi nhận tiền thì hàng tháng bà P không trả tiền gốc cũng không có trả tiền lãi như cam kết đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của chị T nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị T.

Nay chị T yêu cầu như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Phan Thị Thanh P có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị T số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng. Chị T không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả đủ một lần.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Thanh P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 58/TB-TLVA ngày 18 tháng 10 năm 2024, tống đạt hợp lệ cho bà Phan Thị Thanh P tại địa chỉ nhà của bà Phan Thị Thanh P tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì Trưởng Ban N, thị trấn C xác định đúng nhà của bà Phan Thị Thanh P và hiện nay bà P không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà P trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn có làm biên nhận nợ nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là bà Phan Thị Thanh P có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Người khởi kiện chị Võ Thị Bé T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Phan Thị Thanh P trả cho chị T số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị Võ Thị Bé T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Võ Thị Bé T và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Phan Thị Thanh P:

[1.2.1] Theo đơn khởi kiện, chị Võ Thị B Tư căn cứ vào "Giấy cho vay tiền" lập ngày 04/9/2023 ghi địa chỉ của bà Phan Thị Thanh P tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và có ghi số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp thể hiện địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại là ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt hợp lệ cho bà Phan Thị Thanh P tại địa chỉ nơi thường trú và địa chỉ nơi ở của bà P tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì được Trưởng Ban N, thị trấn C xác định đúng nhà của bà

Phan Thị Thanh P và hiện nay bà P không có mặt tại địa phương. Tòa án thông báo cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà Phan Thị Thanh P, thì nguyên đơn cho rằng bà P cố tình trốn tránh việc trả nợ cho nguyên đơn nên bà P không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà P cho nguyên đơn nên không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho Tòa án và nguyên đơn căn cứ vào địa chỉ của bà P ghi trong "Giấy cho vay tiền" lập ngày 04/9/2023 ghi địa chỉ của bà Phan Thị Thanh P tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn nên yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2.2] Theo khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án (sau đây gọi tắt là: Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), quy định: "Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015".

[1.2.3] Tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nơi cư trú của cá nhân như sau: "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới".

[1.2.4] Căn cứ theo khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn như trong "Giấy cho vay tiền". Bị đơn là người vay tiền của nguyên đơn, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới là vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2.5] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định địa chỉ của bị đơn Phan Thị Thanh P tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn bà Phan Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thị Thanh P.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Bé T vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải trả cho chị T số tiền vay vốn gốc là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Bé T về việc yêu cầu bà Phan Thị Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại "Giấy cho vay tiền" lập ngày 04/9/2023 thể hiện nội dung: "Bên cho vay (Bên A) là chị Võ Thị Bé T. Bên vay (Bên B) là bà Phan Thị Thanh P, sinh ngày 26/3/1965, CCCC số 089165000013, ngày cấp 26/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền 80.000.000 đồng. Mức lãi suất cho vay: thỏa thuận. Thời điểm thanh toán lãi: lãi + gốc 5.400.000 đồng trên tháng góp 30 tháng. Bên vay ký tên và ghi họ tên Phan Thị Thanh P". Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Thanh P không có văn bản trả lời cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T, Tòa án không lấy được lời khai của bà P. Tòa án thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, thì nguyên đơn trình bày việc cho bị đơn vay tiền có bà Phùng Mỹ H; địa chỉ liên hệ A Đường T, Khóm E, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là chủ quán cà phê Thư P1 biết.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 26/3/2025, bà Phùng Mỹ H; địa chỉ liên hệ A Đường T, Khóm E, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là chủ quán cà phê Thư P1 khai: "Vào thời gian hơi lâu, bà H không nhớ rõ, chị Bé T (Võ Thị Bé T) có đến quán cà phê của bà H tại số A Đường T, Khóm E, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để uống cà phê và có thỏa thuận cho một người phụ nữ vay tiền, người này cũng hay đến quán cà phê của bà H uống cà phê, bà H có thấy giao tiền nhưng không rõ số tiền các bên thỏa thuận vay bao nhiêu, bà H không biết địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này. Hiện nay, bà H không thấy người phụ nữ này đến quán của bà H để uống cà phê nữa". Căn cứ theo Giấy cho vay tiền lập ngày 04/9/2023 giữa bên cho vay chị Võ Thị Bé T và bên vay là bà Phan Thị Thanh P, Hội đồng xét xử khẳng định bà Phan Thị Thanh P có vay tiền của chị Võ Thị Bé T vào ngày 04/9/2023 số tiền 80.000.000 đồng là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định" và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy

định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền, bên vay tài sản là bà Phan Thị Thanh P không trả tiền cho bên cho vay là nguyên đơn chị Võ Thị Bé T theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [4] Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bé T về yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Bé T toàn bộ số tiền vay vốn gốc vay 80.000.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 4.000.000 đồng.

[7.2] Nguyên đơn chị Võ Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 40; Điều 357; Điều 463 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại điểm d khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bé T đối với bị đơn bà Phan Thị Thanh P.

2. Xử buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Võ Thị Bé T số tiền vay vốn gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn chị Võ Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà Phan Thị Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Phan Thị Thanh P phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn chị Võ Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004527 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TTKT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn